

Bản án số: 07/2017/HS-ST

Ngày 16 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tráng A Lừ và bà Nguyễn Thị Tam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2017/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2017/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Giàng A S, sinh năm 1972, tại V H, Sơn La.

Nơi cư trú: Bản L L, xã L L, huyện V H, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng A Nh (đã chết) và bà Hờ Thị M; có vợ là Hờ Thị M và 03 con;

Tiền án: Ngày 26/11/2012 Tòa án nhân dân huyện M Ch, tỉnh Sơn La xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 10 tháng 8 năm 2017 đến nay. Có mặt.

2. Lò Văn H, sinh năm 1983, tại M L, Sơn La.

Nơi cư trú: Bản U, xã M Ch, huyện M L, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12 ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn M và bà Quàng Thị Nh; có vợ là Lò Thị H (đã ly hôn) và 01 con;

Nhân thân: Ngày 25/6/2008 Tòa án nhân dân huyện M L, tỉnh Sơn La xử phạt 28 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 10 tháng 8 năm 2017 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 00 phút, ngày 10/8/2017, tại bản H T, xã V H, huyện V H, tỉnh Sơn La. Tổ công tác công an huyện V H kiểm tra phát hiện bắt quả tang Lò Văn H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. H tự giác giao nộp tang vật là 01 gói nilon màu hồng, bên trong đựng chất bột màu trắng, H khai đó là Hêrôin đã mua của người đàn ông dân tộc Mông tên S, ở bản L L, xã L L, huyện V H. Cơ quan điều tra cũng tạm giữ của Lò Văn H số tiền 500.000 đồng.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an huyện V H đã khám xét nơi ở và bắt khẩn cấp Giàng A S, thu tại giường ngủ của Giàng A S: 01 gói nilon màu xanh, bên trong đựng 200 viên nén màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu WY, 01 gói nilon màu xanh, bên trong đựng 20 viên nén màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều có ký hiệu WY, nghi là ma túy tổng hợp; 500.000 đồng; 01 tẩu thuốc bằng chai nhựa và 01 chiếc cân tiểu ly.

Giàng A S và Lò Văn H khai nhận: Giàng A S và Lò Văn H quen biết nhau và đều nghiện ma túy. Ngày 07/8/2017 trên đường dân sinh bản L L, xã L L, Giàng A S gặp và hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Mông, không biết tên, địa chỉ được 01 gói Hêrôin gói bằng nilon màu trắng; 01 gói nilon màu xanh, bên trong đựng 200 viên nén màu hồng, 01 gói nilon màu xanh, bên trong đựng 20 viên nén màu hồng với giá 3.300.000 đồng mục đích về sử dụng và bán lại kiếm lời.

Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 10/8/2017, S lấy gói Hêrôin ra sử dụng một phần, còn lại để vào chiếc đĩa nhỏ trên bàn uống nước thì có Lò Văn H vào nhà đưa cho S 50.000 đồng, hỏi mua ma túy. S cầm tiền, nói H lấy số ma túy đang để trên đĩa trên bàn uống nước. H lấy gói nilon màu hồng gói số Hêrôin đó lại, cất giấu vào hậu môn. Khoảng 07 giờ ngày 10/8/2017, H ra Quốc lộ 6 bắt xe khách về nhà thì bị kiểm tra, phát hiện bắt quả tang tàng trữ trái phép chất ma túy.

Cùng ngày, Tại Cơ quan điều tra tiến hành cân tịnh số ma túy thu giữ xác định được như sau:

+ Số bột trắng trong gói nilon màu hồng thu giữ của Lò Văn H có trọng lượng 1,08 gam, lấy 0,21 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu H1.

+ Số 200 viên nén màu hồng trong gói nilon màu xanh thứ nhất thu của Giàng A S có trọng lượng 19,51 gam, lấy 0,98 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu S1.

+ Số 20 viên nén màu hồng trong gói nilon màu xanh thứ hai thu của Giàng A S có trọng lượng 1,99 gam, lấy 0,99 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu S3.

Kết luận giám định số 821/KLMT ngày 12/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận " *Mẫu gửi giám định ký hiệu S1, S3 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là S1 = 0,98 gam, S3 = 0,99 gam; Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 21,50 gam. Loại chất Methamphetamine* "

Kết luận giám định số 822/KLMT ngày 12/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận " *Mẫu gửi giám định ký hiệu H1 là chất ma túy; Loại*

chất Hêrôin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,21 gam; Trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 1,08 gam. Loại chất Hêrôin”

Cáo trạng số 73/CT – VKS ngày 02/10/2017 của VKSND huyện V H, truy tố Giàng A S về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm m, p khoản 2 điều 194 BLHS, truy tố Lò Văn H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 điều 194 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Giàng A S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, Lò Văn H phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy

* Áp dụng điểm m, p khoản 2 điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự 1999, điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015, xử phạt: Giàng A S từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

* Áp dụng khoản 1 điều 194, điểm p, q khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự 1999; khoản 3 điều 7, điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự 2015; điểm h khoản 2 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội xử phạt: Lò Văn H từ 18 đến 24 tháng tù.

+ Không phạt bổ sung đối với các bị cáo; áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,87 gam Hêrôin và vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 19,53 gam Methamphetamine và vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 chiếc cân tiểu ly và 01 chiếc tàu hút bằng chai nhựa có vòi tre đều đã qua sử dụng

+ Tịch thu số tiền 50.000 đồng của Giàng A S do phạm tội mà có, tạm giữ 200.000 đồng của Giàng A S để đảm bảo thi hành án, trả lại Giàng A S 250.000 đồng. Tạm giữ 200.00 đồng của Lò Văn H để đảm bảo thi hành án, trả lại Lò Văn H 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do nghiện ma túy và háms lời, Giàng A S đã mua 01 gói Hêrôin trọng lượng 1,08 gam và 220 viên ma túy tổng hợp, trọng lượng 21,5 gam với giá 3.300.000 đồng mục đích về sử dụng và bán lại kiếm lời. Ngày 10/8/2017, Lò Văn H, là đối tượng nghiện ma túy đến nhà hỏi mua, được Giàng A S bán cho 01 gói Hêrôin với giá 50.000 đồng. Trên đường quay về, Lò Văn H bị phát hiện bắt quả tang, khai ra hành vi bán ma túy của Giàng A S.

Hành vi mua và tàng trữ trái phép 02 loại ma túy mục đích sử dụng và bán lại kiếm lời, với số lượng ma túy là 1,08 gam Hêrôin và 21,5 gam Methamphetamine. Căn cứ quy định tại Tiểu mục 2.5, mục 2, phần I, Thông tư liên tịch 17/TTLT – BCA – VKSNDTC – TANDTC – BTP tính quy đổi số lượng chất ma túy như sau:

+ Tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của 21,5 gam Methamphetamine so với mức tối thiểu đối với Methamphetamine quy định tại điểm e khoản 3 điều 194 Bộ luật hình sự là $(21,5 \times 100) : 100 = 21,5\%$.

+ Tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của 1,08 gam Hêrôin so với mức tối thiểu đối với Hêrôin quy định tại điểm b khoản 3 điều 194 Bộ luật hình sự là $(1,08 \times 100): 30 = 3,6\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của hai chất Methamphetamine và Hêrôin là $21,5\% + 3,6\% = 25,1\%$ (dưới 100%).

Theo hướng dẫn tại điểm b, tiểu mục 3.2, mục 3, Nghị quyết 01/2001/NQ – HĐTP ngày 15/3/2001 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì:

Trọng lượng hai chất ma túy sau khi quy đổi ra Hêrôin là: $1,08 + (21,5 \times 100): 300 = 8,24$ gam.

Trọng lượng hai chất ma túy sau khi quy đổi ra Methamphetamine là: $21,5 + (1,08 \times 300): 100 = 24,74$ gam.

Như vậy, sau khi quy đổi Hêrôin sang Methamphetamine và ngược lại so với mức phạt tù trong khung hình phạt là ngang nhau. Do vậy, hành vi mua ma túy rồi bán lại kiếm lời của Giàng A S đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm m khoản 2 điều 194 BLHS, có mức hình phạt từ 07 năm đến 15 năm.

Hành vi tàng trữ 1,08 gam Hêrôin của Lò Văn H mục đích sử dụng đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, được quy định tại khoản 1 điều 194 BLHS 1999 và điểm c khoản 1 điều 249 BLHS 2015.

Điều 194 Bộ luật hình sự 1999. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy.

1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 249 Bộ luật hình sự 2015. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a)

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR – 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

So sánh hai điều luật của hai Bộ luật cho thấy, điều 249 của Bộ luật hình sự 2015 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định hình phạt nhẹ hơn so với điều 194 của Bộ luật hình sự 1999.

Căn cứ vào khoản 3 điều 7, điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự 2015; điểm h khoản 2 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội quy định áp dụng một hình phạt nhẹ hơn, có lợi hơn cho người phạm tội. Hội đồng xét xử xét thấy cần cân nhắc tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo Lò Văn H,

nhưng cũng cần áp dụng hình phạt tương xứng đảm bảo răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[2] *Tính chất hành vi của các bị cáo:* Bị cáo Giàng A S phạm tội rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm lớn cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, làm lây lan tệ nạn ma túy trong cộng đồng. Giàng A S đã có tiền án về tội rất nghiêm trọng, nay lại phạm tội rất nghiêm trọng, là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm p khoản 2 điều 194 BLHS 1999. Lò Văn H có nhân thân xấu đã từng bị xử phạt về tội ma túy. HĐXX xét thấy, việc khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần tiếp tục xử phạt tù nghiêm khắc đối với các bị cáo, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, là dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức hạn chế. Giàng A S có bố đẻ là người có công với cách mạng, nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS 1999, điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015. Lò Văn H khai ra hành vi phạm tội của Giàng A S, tích cực giúp cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[4] *Về phạt bổ sung:* Xét thấy các bị cáo không có tài sản có giá trị; nghiện ma túy, không có khả năng thi hành, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Vật chứng của vụ án:* 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,87 gam Hêrôin và vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 19,53 gam Methamphetamine và vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 chiếc cân tiểu ly và 01 chiếc tàu hút bằng chai nhựa có vòi tre đều đã qua sử dụng là những vật bị cấm lưu hành hoặc không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

Số tiền 500.000 đồng thu của Lò Văn H không liên quan đến việc phạm tội, không tịch thu, nhưng cần tạm giữ 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án phí, còn lại trả lại bị cáo 300.000 đồng. Số tiền 500.000 đồng thu của Giàng A S có 50.000 đồng do bán ma túy cho Lò Văn Hợi mà có, cần tịch thu sung quỹ nhà nước 50.000 đồng, tạm giữ 200.000 đồng của bị cáo để đảm bảo thi hành án phí, còn lại trả bị cáo 250.000 đồng.

[6] *Về nguồn gốc chất ma túy:* Bị cáo Giàng A S khai mua của một người đàn ông dân tộc Mông, không biết tên, địa chỉ trên đường dân sinh bản L L, xã L L, huyện V H. Không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm m, p khoản 2 điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS 1999; điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015. Tuyên bố bị cáo Giàng A S phạm tội: **Mua bán trái phép chất ma túy.**

Xử phạt: Giàng A S 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 10/8/2017.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ vào khoản 1 điều 194, điểm p, q khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS 1999; khoản 3 điều 7, điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự 2015; điểm h khoản 2 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội. Tuyên bố bị cáo Lò Văn H phạm tội: **Tàng trữ trái phép chất ma túy.**

Xử phạt: Lò Văn H 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 10/8/2017.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, đ khoản 2, khoản 3 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 0,87 gam Hêrôin và vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 19,53 gam Methamphetamine và vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 chiếc cân tiểu ly và 01 chiếc tàu hút bằng chai nhựa có vòi tre đều đã qua sử dụng.

+ Tịch thu 50.000 đồng của Giàng A S để sung quỹ nhà nước, tạm giữ của bị cáo Giàng A S số tiền 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án phí, còn lại trả lại bị cáo 250.000 đồng; tạm giữ của bị cáo Lò Văn H số tiền 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án phí, còn lại trả lại bị cáo 300.000 đồng.

Toàn bộ Vật chứng theo biên bản giao vật chứng số: 02/BBVC, và biên lai thu tiền số 001723 ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Hồ

4. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAT
- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- Sơ TP
- Trại Giam
- Bị cáo
- Lưu HS.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Quang

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa

Hội thẩm nhân dân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm

hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)